

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/HC-PT

Ngày: 05/04/2017

V/v khiếu kiện: “*Quyết định hành chính,
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa Tiến.

Các Thẩm phán: - Ông Phan Văn Huyện
- Ông Huỳnh Văn Ngoan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa, cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Võ Thị Ngọc
Giác, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 03 và ngày 05 tháng 04 năm 2017 tại Trụ sở Tòa
án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:
04/2016/TLPT-HC ngày 07 tháng 7 năm 2016 về việc khiếu kiện “*Quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2016/HC-ST ngày 03 tháng 6 năm
2016 của Tòa án nhân dân thành phố M bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2016/QĐ-PT ngày 18/7/2016
giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông **Đặng Minh N**, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: 106/1B, ấp A, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố M;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn H**, chức vụ: Chủ tịch;

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Văn H**, chức vụ: Phó chủ tịch; theo
giấy ủy quyền ngày 26/7/2016. (vắng mặt)

Địa chỉ: 36, Đường V, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo:* Người khởi kiện **Đặng Minh N**.

(có mặt ông N, ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NHẬN THẤY:

* *Theo án sơ thẩm, người khởi kiện ông Đặng Minh N trình bày:*

Phần đất diện tích 1.293,7m² tọa lạc ấp A, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa 105, 106, tờ bản đồ số 65 có nguồn gốc của gia đình ông, do ông trực tiếp quản lý sử dụng công khai, liên tục từ năm 1975 đến trước ngày 15/10/1993.

Ngày 8/7/1994, Ủy ban nhân dân thành phố M ra quyết định số 170/QĐ-UB có nội dung: “bác đơn khiếu nại đòi lại 1.260m² đất của ông Đặng Minh N, giữ nguyên cư cho các hộ cất nhà ở trước giải phóng, khoanh bao phần mồ mã gia đình ông Phủ Ca giao ông Đặng Minh N quản lý chăm sóc”.

Từ năm 2006, bà Bùi Thị Hoài P khiếu nại việc ông sửa chữa hàng rào khuôn viên mộ gia đình ông Phủ Ca và đã được giải quyết bằng quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 nội dung là bác đơn khiếu nại của bà P. Sau đó bà P tiếp tục khởi kiện ông ra Tòa và đã được Tòa án giải quyết bằng các bản án: Dân sự sơ thẩm số: 23/2010/DSST ngày 27/9/2010 của tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và bản án dân sự phúc thẩm số 52/2011/DSPT ngày 9/03/2011 của Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao. Hai bản án đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc đòi lại 1.293,7m² đất.

Ông đã làm hồ sơ đề xin cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất trên nhưng nhận được văn bản số 511/CV-TNMT ngày 21/7/2011 của phòng tài nguyên và môi trường thành phố M với nội dung là bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang không công nhận phần đất thuộc quyền sử dụng của ông, chỉ giao cho ông quản lý, sử dụng nên không thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông.

Sau đó ông tiếp tục khiếu nại đến thanh tra sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang ngày 9/9/2013, thanh tra tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang ra phiếu chuyển đơn số 74/TTr với nội dung sẽ chuyển đơn qua phòng tài nguyên và môi trường thành phố M để giải quyết theo quy định nhưng chưa được giải quyết.

Ngày 24/4/2014 phòng tài nguyên và môi trường thành phố M ra công văn số 428/TN & MT thu hồi công văn số 511/CV-TNMT ngày 21/7/2011.

Ngày 15/5/2014 ông nộp hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã P, ngày 11/8/2014. Ủy ban nhân dân xã P mời ông lên trả lại hồ sơ và yêu cầu ông chờ văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân thành phố M về trường hợp này.

Ngày 25/9/2014 ông gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố M yêu cầu được giải quyết. Ngày 10/11/2014 ông gửi đơn khiếu nại lần 02 nhưng vẫn không được giải quyết. Sau đó ông gửi đơn khởi kiện. ngày 18/5/2015 Tòa án nhân dân thành phố M mời ông và Ủy ban nhân dân thành phố M họp đối thoại. Ông Lê Văn H đại diện Ủy ban yêu cầu ông làm đơn gửi Ủy ban nhân dân thành phố M để xem xét công nhận quyền sử dụng đất cho ông nên ông đã rút đơn khởi kiện.

Ngày 21/5/2015 ông gửi đơn xin xem xét công nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân thành phố M. Ngày 19/6/2015 Ủy ban nhân dân thành phố M

ra văn bản trả lời số 3735/UBND-TN&MT với nội dung không đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là không đúng với nội dung cuộc đối thoại tại Tòa án. Ông không đồng ý với các lý do trong nội dung văn bản trả lời số 3735/UBND-TN&MT như sau: Ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.000m² đất nhưng thực tế là không có; Ban quản trị thánh thất cũng đang có yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên; con cháu ông Phủ Ca đang ở nước ngoài; đất có thừa kiện. Văn bản trả lời số 3735/UBND-TN&MT ngày 19/6/2015 nói trên là không đúng thực tế và không phù hợp pháp luật.

Ngày 24/6/2015, ông khiếu nại lần 1 đối với văn bản số 3735/UBND-TN&MT nói trên. Ngày 28/7/2015, ông gửi đơn khiếu nại lần 2 nhưng vẫn không được giải quyết. Theo đo đạc thực tế ngày 18/01/2016 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang phần đất này có diện tích 1.415,8m² trong đó có phần mồ mả gồm 2 phần, phần 1 có diện tích 237,8m², phần 2 có diện tích 29,8m².

Chính vì những lý do trên, nay ông yêu cầu:

- Hủy văn bản trả lời số 3735/UBND-TN&MT ngày 19/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M.

- Công nhận, cấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho ông với diện tích 1.415,8m² tọa lạc ấp A, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa 105, 106 tờ bản đồ số 65 theo quy định của pháp luật.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố M trình bày:*

Phần đất ông N yêu cầu cấp quyền sử dụng đất là một phần nằm trong thửa đất bằng khoán số 645 của ông Phủ Ca. Trước đó, ông Phủ Ca có cho ông nội bà Phạm Kim C ở trên đất để quản lý mồ mả. Khi ông Phủ Ca chết thì để lại phần đất đó cho con gái là bà Nguyễn Thị A, khi bà A đi nước ngoài đã ủy quyền lại cho ông Đặng Diêm H (cha của ông N) cất nhà và quản lý mồ mả. Năm 1975, ông H ủy quyền lại cho ông N tiếp tục sử dụng phần đất đó. Ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.000m² đất. Năm 1994, Ủy ban nhân dân thành phố M đã giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông N và bà C, bác yêu cầu ông N. Năm 2010, con bà C là Bùi Thị Hoài P khởi kiện ông N yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản và đã được Tòa án có thẩm quyền giải quyết với nội dung là không chấp nhận yêu cầu của bà P, án đã có hiệu lực pháp luật. Nhận thấy, phần đất mà ông N yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mồ mả của ông Phủ Ca, là người xây dựng thánh thất Cao Đài và Ban quản trị thánh thất cũng đang có yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang chấp nhận (văn bản số 4563/UBND-NC ngày 08/8/2007 và 6155/UBND-TD ngày 13/12/2011). Ông N không thuộc trường hợp sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 99 Luật đất đai. Mặc dù ông N sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 nhưng giấy ủy quyền của bà A không phải là một trong các giấy tờ quy định của Luật đất đai làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì các lý do

trên, Ủy ban nhân dân thành phố M có quan điểm đề nghị giữ nguyên quyết định số 3735/UBND-TN&MT, tiếp tục giao cho ông N quản lý chăm sóc phần đất trên theo quyết định số 170 ngày 08/7/1994.

Bản án sơ thẩm số: 02/2016/HC-ST ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố M đã quyết định.

Áp dụng Điều 7, 27, 28, 29, 103, 104 Luật tổ tụng hành chính; khoản 3 Điều 23, Điều 99, khoản 2 Điều 105 Luật đất đai; Điều 688 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh N về việc: Hủy văn bản trả lời số 3735/UBND-TN&MT ngày 19/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M; yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố M công nhận và cấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho ông đối với phần đất diện tích 1.415,8m² tọa lạc ấp A, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày **21/9/2016**, người khởi kiện **Đặng Minh N** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy văn bản số 3735 ngày 19/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M; yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố M công nhận và cấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông đối với diện tích đất đo thực tế 1.415,8m² tọa lạc ấp A, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ các quy định của Luật tổ tụng hành chính; đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đối với yêu cầu kháng cáo của ông N là có cơ sở chấp nhận một phần về việc hủy một phần văn bản trả lời số 3735/UBND-TNMT ngày 19/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M ở nội dung “ông N đã được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 1000m² đất trồng”. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N về hủy các nội dung còn lại của công văn số 3735; sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện được xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Đặng Minh N có yêu cầu kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015, tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện.

Xét diện tích đất thực đo 1.415,8m² (theo biên bản đo đạc ngày 18/01/2016 của trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang) tọa lạc ấp A,

xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Có nguồn gốc là một phần trong tổng diện tích đất thuộc bằng khoán số 465 do ông Phủ Ca (địa chủ) làm chủ trước giải phóng năm 1975. Trên đất này ông Phủ Ca cho ông nội của bà Phạm Thị Kim Cúc ở để quản lý mồ mã. Ông Phủ Ca chết để lại cho con gái là Nguyễn Thị A, sau 1975 bà A đi nước ngoài ủy quyền lại cho ông Đặng Diêm H (cháu bà con xa) được cất nhà và chăm sóc mồ mã trên phần đất này. Sau đó ông H có tờ ủy quyền ngày 18/9/1975 cho con là Đặng Minh N được tiếp tục sử dụng, khoảng năm 2003 ông Đặng Diêm H được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp quyền sử dụng 1000m² đất trống, riêng phần còn lại hơn 6000m² có hai khu mồ mã của gia đình ông Phủ Ca và bà Phạm Kim C. Đối với phần đất bà C quản lý vào năm 1994 ông N có tranh chấp buộc bà C trả đất. Tại quyết định số 170/QĐ-UB ngày 08/7/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố M đã bác đơn khiếu nại đòi 1.260m² đất của ông N; giữ nguyên cho các hộ cất nhà ở trước giải phóng, khoanh bao phần mồ mã của gia đình ông Phủ Ca giao cho ông N quản lý, chăm sóc phần mồ mã của gia đình bà C giao cho bà C quản lý chăm sóc. Như vậy diện tích đất 1.415,8m² không phải là đất có nguồn gốc của gia đình ông N, việc ông N được sử dụng là do cha của ông N (ông Đặng Diêm H) được con ông Phủ Ca ủy quyền quản lý đất và chăm sóc mồ mã của gia đình ông Phủ Ca. Nên ông N không thuộc trường hợp sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013.

Do đó yêu cầu khởi kiện của ông N về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố M công nhận và cấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với diện tích đất 1.415,8m² cho ông là không có cơ sở chấp nhận; tuy nhiên xét thấy tại công văn số 3735/UBND-TNMT ngày 19/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M có phần nhận định: “ông N đã được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 1000m² đất trống”. Nhưng tại công văn số 1253/UBND-TN&MT ngày 06/03/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố M lại xác định diện tích đất 1000m² nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ khoảng năm 2003 là cấp cho ông Đặng Diêm H (cha ông Đặng Minh N)... Riêng đối với ông N từ trước đến nay chỉ được ông H giao lại phần đất mồ mã có diện tích thực đo 1.415,8m² mà hiện ông N đang yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do nhận định trên của công văn số 3735/UBND-TN&MT ngày 19/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M là chưa chính xác. Nên Hội đồng xét xử hủy phần nhận định “ông N đã được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 1000m² đất trống” của công văn số 3735 nêu trên.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông N; sửa một phần bản án sơ như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 37 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh N; hủy một phần công văn số 3735/UBND-TN&MT ngày 19/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M có nội dung “ông N đã được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 1000m² đất trống”.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh N về việc yêu cầu hủy toàn bộ công văn số 3735/UBND-TN&MT ngày 19/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh N về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố M công nhận và cấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền trên đất cho ông đối với diện tích 1.415,8m² đất tọa lạc ấp A, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí: Ông Đặng Minh N phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Đã tạm nộp 200.000 dự phí hành chính sơ thẩm và 200.000 dự phí hành chính phúc thẩm theo các biên lai thu số 29162 ngày 08/10/2015 và số 30348 ngày 07/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M. Khấu trừ, nên hoàn lại ông N số tiền 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào hồi 8 giờ 30 ngày 05/04/2017 có mặt ông N và Kiểm sát viên; Vắng mặt ông Phan Văn H.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hòa Tiến